

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88 /2018/DS-ST
Ngày: 13-6-2018
V/v Tranh chấp hợp đồng góp vốn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năng
Ông Mai Hòa Phúc

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yến Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2017/TLST- DS ngày 30 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng góp vốn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐXXST-DS ngày 4 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1986 (**Có mặt**)
Nơi cư trú: Tổ 22 ấp P, xã B, huyện C, tỉnh A

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H** sinh năm: 1981 (**Vắng mặt**)
Nơi cư trú: Tổ 21, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 13/11/2017, đơn yêu cầu về việc rút lại một phần đơn yêu cầu khởi kiện ngày 16/4/2018 và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:

Do chỗ quen biết vào tháng 4 năm 2015 anh H có liên hệ với anh D đề nghị hợp tác làm ăn với hình thức đầu tư mua xe tải để kinh doanh vận chuyển hàng hóa. Các bên thỏa thuận anh D đưa tiền góp vốn vào cho anh H mua xe tải, mọi hoạt động chi phí đều do anh H chịu, lợi nhuận chia hàng tháng cho anh D là 12.000.000 đồng/tháng. Thời điểm từ khoảng tháng 5 đến khoảng tháng 9 năm 2015 anh có giao tiền cho anh H 2 đợt với số tiền là 350.000.000 đồng, giao tại quán Khúc Vô Thường. Việc thỏa thuận góp vốn giữa các bên không có làm văn bản (chỉ thỏa thuận bằng lời nói), việc giao tiền cũng không có làm giấy tờ. Trong thời gian hợp tác góp vốn phía anh H có chia lợi nhuận cho anh với số tiền 36.000.000 đồng tức là 3 tháng. Từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 2 năm 2017 anh H không thực hiện chia lợi nhuận. Đến tháng 3 năm 2017 anh H nộp vào tài khoản của anh đứng tên với số tiền 4.000.000 đồng, nói tiền từ việc chia lợi nhuận hợp tác làm ăn. Trong thời gian gián đoạn anh phát hiện anh H không kinh doanh vận tải mà đem số tiền này mua đất để cha mẹ đứng tên, thế chấp ngân hàng. Sau đó anh có điện thoại cho anh H thì anh H thừa nhận sự việc trên nhưng không chịu trả tiền. Tại đơn khởi kiện anh có yêu cầu anh H phải trả số tiền 350.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất. Sau đó đến ngày 16/4/2018 anh có làm đơn rút lại một phần yêu cầu chỉ yêu cầu anh H phải trả lại số tiền 250.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 1/9/2015 cho đến ngày xét xử. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh D thay đổi yêu cầu anh chỉ yêu cầu anh H phải trả số tiền 220.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01/9/2015dl cho đến ngày xét xử.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh H vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên tòa án tiến hành lấy lời khai của anh H vào ngày 20/12/2017 thì anh H cho biết vào khoảng tháng 6 năm 2015 anh D có hùn tiền với anh hợp tác mua xe kinh doanh vận tải (chở đồ thuê) với số tiền 120.000.000 đồng, rồi đến một tháng sau ông D có đưa thêm số tiền 100.000.000 đồng (không có làm giấy tờ) tổng cộng anh D đưa số tiền là 220.000.000 đồng. Trong quá trình hợp tác làm ăn anh có đưa cho anh D tiền lời được số tiền 36.000.000 đồng. Từ tháng 9 năm 2015 đến tháng 2 năm 2017 do việc kinh doanh khó khăn nên không đưa tiền lời nữa, đến tháng 3 năm 2017 anh có đưa thêm cho anh D số tiền 4 triệu đồng. Nay anh thừa nhận có nhận của anh D số tiền 220.000.000 đồng và tự nguyện xin trả thêm lãi 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 250.000.000 đồng, hẹn qua tết trả số tiền trên và yêu cầu không tính lãi. Sau đó Tòa án cũng tiến hành xác minh sự vắng mặt của anh H tại địa phương. Qua xác minh thì được biết anh H vẫn còn hộ khẩu thường trú tại tổ 21, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh A.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: **Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ

trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1]**Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H theo quy định pháp luật.

[2]Về nội dung tranh chấp

[2.1] Theo đơn khởi kiện anh Nguyễn Văn D yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải trả số tiền góp vốn chưa trả là 350.000.000 đồng cùng với lãi suất theo quy định pháp luật thời gian từ ngày 01/9/2015 cho đến ngày xét xử. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh D cho rằng việc góp vốn mua xe tải giữa anh và H không có lập văn bản, chỉ bằng lời nói với nhau làm tin, việc giao tiền cũng không có làm giấy tờ gì nên không có gì chứng minh để buộc anh H phải trả đủ số tiền 350.000.000 đồng, nay anh H chỉ thừa nhận có thiếu số tiền là 220.000.000 đồng thì cũng đồng ý theo lời thừa nhận của anh H. Do đó anh thay đổi yêu cầu khởi kiện anh chỉ yêu cầu anh H phải trả số tiền 220.000.000 đồng. Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh D chỉ buộc anh H trả số tiền 220.000.000 đồng là phù hợp với lời thừa nhận của anh H trong biên bản lấy lời khai của Tòa án ngày 20/12/2017. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông D là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nghĩ nên chấp nhận.

Xét về nội dung vụ án trên Hội đồng xét xử nhận thấy: Mọi quan hệ hợp đồng góp vốn giữa anh Nguyễn Văn D và anh Nguyễn Văn H trên thực tế là có xảy ra trên thừa nhận của hai bên. Trong thời gian hợp tác góp vốn thì anh H chỉ trả cho anh D 3 tháng tiền lợi nhuận được số tiền 36.000.000 đồng, từ tháng 9 năm 2015 thì ngưng không thực hiện theo thỏa thuận, anh có hứa trả cho anh D nhưng do việc kinh doanh gặp khó khăn nên không thực hiện theo thỏa thuận. Xét thấy, trong mối quan hệ hợp đồng góp vốn anh Nguyễn Văn H là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là nộp lợi nhuận theo đúng định kỳ và khi không còn hợp tác làm ăn nữa thì lại không trả tiền góp vốn cho anh D. Việc vi phạm này đã ít nhiều cũng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh D. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh D buộc anh H phải có nghĩa vụ trả số tiền 220.000.000 đồng theo yêu cầu của anh D là hoàn toàn phù hợp.

[2.2]Về lãi suất: Tại biên bản lấy lời khai của anh H ngày 20/12/2017 thì anh thừa nhận từ tháng 9 năm 2015 thì anh không thực hiện việc chia lợi nhuận cho anh D theo thỏa thuận. Do anh H vi phạm nghĩa vụ nên anh D yêu cầu anh H phải trả lãi suất khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ là hoàn toàn chính đáng.

Thời gian tính lãi từ ngày 01/9/2015 đến ngày 13/6/2018 là 32 tháng
+ Vốn 220.000.000đ x lãi 0,75%/tháng x 32 tháng = 52.800.000đồng
+ Vốn 220.000.000đ + lãi 52.800.000 đồng = 272.800.000đồng.

Như vậy, nghĩ nên xác lập mối quan hệ tranh chấp trên buộc anh H phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh D số tiền 272.800.000đ (Hai trăm bảy mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng) là hoàn toàn phù hợp.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.
- Anh Nguyễn Văn H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D

Buộc anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn D số tiền **272.800.000 đ (Hai trăm bảy mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng)**

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn D được nhận lại 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003165 ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 13.640.000đ (Mười ba triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về kháng cáo: Anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/6/2018). Anh Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung